

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 175/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Hoàng P**, sinh năm 1985

Nơi cư trú: **Xóm F, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên**

Bị đơn: Chị **Thân Thị Thu G**, sinh năm 1986

Nơi cư trú: **Xóm T, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ vào Điều 146, 147, 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2024,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **Hoàng P** và chị **Thân Thị Thu G**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Hoàng P** và chị **Thân Thị Thu G** xác định tình cảm không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Có 01 con chung là cháu **Hoàng P1**, sinh ngày 29/6/2020.

Chị **G** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung **Hoàng P1** cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn anh **P** không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **P** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Hoàng Phúc 3.000.000đồng (ba triệu đồng)/tháng tới khi con đủ 18 tuổi hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2024

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh **P** và chị **G** tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh **P** nhận nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003934 ngày 13/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện Phú Bình;
- Thi hành án DS huyện Phú Bình;
- UBND xã Kha Sơn, h Phú Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thanh Nhàn

